

# **Hiệp định Chương trình thuế quan ưu đãi có hiệu lực chung (CEPT) cho khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA)**

Chính phủ các nước Brunây Darulalam, Cộng hòa Indônêxia, Malaixia, Cộng hòa Philippin, Cộng hòa Xingapo và Vương quốc Thái Lan, các quốc gia thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN);

Lưu ý tới Tuyên bố về sự hòa hợp ASEAN ký tại Bali, Indônêxia ngày 24-2-1976 quy định rằng các quốc gia thành viên sẽ hợp tác trong lĩnh vực thương mại nhằm phát triển và tăng trưởng nền sản xuất và thương mại;

Nhắc lại rằng Tuyên bố của các vị đứng đầu Chính phủ tại Hội nghị cấp cao lần thứ III tại Manila từ ngày 13 đến 15-12-1987 đã nêu rõ: các quốc gia thành viên sẽ tăng cường hợp tác kinh tế trong ASEAN để sử dụng đến mức tối đa tiềm năng của khu vực trong thương mại và phát triển;

Ghi nhận rằng Hiệp định về Thỏa thuận thương mại ưu đãi (PTA) được ký kết tại Manila ngày 24-7-1977 đã nêu lên việc sử dụng nhiều công cụ khác nhau cho tự do hoá thương mại trên cơ sở ưu đãi;

Tuân thủ các nguyên tắc, khái niệm và ý tưởng của Hiệp định khung về tăng cường hợp tác kinh tế trong ASEAN ký tại Xingapo ngày 28-1-1992;

Tin tưởng rằng các thỏa thuận thương mại ưu đãi giữa các quốc gia thành viên ASEAN sẽ có tác dụng kích thích việc củng cố khả năng tự cường kinh tế của từng quốc gia cũng như của ASEAN và sự phát triển nền kinh tế của các quốc gia thành viên thông qua việc mở rộng các cơ hội đầu tư và sản xuất, thương mại và tăng các khoản ngoại tệ thu được;

Quyết tâm hợp tác hơn nữa trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của khu vực thông qua tăng cường tự do hóa thương mại và đầu tư trong ASEAN với mục tiêu thành lập Khu vực mậu dịch tự do ASEAN, sử dụng Chương trình thuế quan ưu đãi có hiệu lực chung (CEPT);

Mong muốn cải thiện Thỏa thuận thương mại ưu đãi ASEAN (PTA) phù hợp với các cam kết quốc tế của ASEAN;

## **ĐÃ THỎA THUẬN NHƯ SAU:**

### **Điều 1. Các định nghĩa**

Nhằm các mục đích của Hiệp định này:

1. "CEPT" có nghĩa là thuế quan ưu đãi có hiệu lực chung, và là mức thuế có hiệu lực, được thỏa thuận ưu đãi cho ASEAN, được áp dụng cho các hàng hóa có xuất xứ từ các quốc gia thành viên ASEAN và được xác định để đưa vào Chương trình CEPT theo các Điều 2(5) và 3;
2. "Hàng rào phi quan thuế" có nghĩa là các biện pháp không phải thuế quan, trên thực tế ngăn cấm hoặc hạn chế việc nhập khẩu hoặc xuất khẩu các sản phẩm giữa các quốc gia thành viên;
3. "Hạn chế số lượng" có nghĩa là các cấm đoán hoặc hạn chế thương mại với các quốc gia thành viên khác, dù là bằng hạn ngạch, giấy phép hoặc các biện pháp có bản chất tương tự, kể cả các biện pháp và các yêu cầu hành chính hạn chế thương mại;
4. "Hạn chế ngoại tệ" có nghĩa là các biện pháp được các quốc gia thành viên sử dụng dưới hình thức hạn chế hoặc các thủ tục hành chính khác về ngoại tệ tạo ra hạn chế cho thương mại;
5. "PTA" có nghĩa là thỏa thuận thương mại ưu đãi ASEAN được quy định trong các Hiệp định về Thỏa

thuận thương mại ưu đãi ASEAN, ký tại Manila ngày 24-2-1977 và trong Nghị định thư về tăng cường mở rộng ưu đãi thuế quan theo Thỏa thuận thương mại ưu đãi ASEAN (PTA) ký tại Manila ngày 15-12-1987;

6. "Danh mục loại trừ" có nghĩa là danh mục liệt kê các sản phẩm được loại ra khỏi diện áp dụng thuế quan ưu đãi trong Chương trình CEPT;

7. "Sản phẩm nông nghiệp" có nghĩa là:

a). Nguyên liệu nông nghiệp thô/các sản phẩm chưa chế biến được liệt kê trong các Chương 1 đến 24 của Hệ thống cân đối (HS) và các nguyên liệu nông nghiệp thô/các sản phẩm chưa chế biến tương tự được nêu trong các đề mục của Hệ thống cân đối; và

b). Các sản phẩm đã qua sơ chế nhưng hình thức không thay đổi nhiều so với sản phẩm gốc.

## **Điều 2. Các điều khoản chung**

1. Tất cả các quốc gia thành viên sẽ tham gia Chương trình CEPT.

2. Việc xác định các sản phẩm để đưa vào Chương trình CEPT sẽ dựa trên cơ sở các lĩnh vực, tức là theo mã 6 chữ số của HS.

3. Cho phép loại trừ không đưa vào áp dụng một số sản phẩm cụ thể theo mã 8/9 chữ số của HS đối với những quốc gia thành viên tạm thời chưa sẵn sàng để đưa các sản phẩm đó vào Chương trình CEPT. Căn cứ vào Điều 1 (3) của Hiệp định khung về tăng cường hợp tác kinh tế của ASEAN, đối với các sản phẩm cụ thể "nhạy cảm" đối với một quốc gia thành viên, quốc gia đó được phép loại trừ sản phẩm này ra khỏi Chương trình CEPT, nhưng phải từ bỏ các ưu đãi đối với những sản phẩm đó mà Hiệp định này đã quy định. Hiệp định này sẽ được xem xét lại vào năm thứ 8 sau khi thực hiện quyết định về Danh mục loại trừ cuối cùng hoặc có sửa đổi với Hiệp định này.

4. Một sản phẩm được coi là có xuất xứ từ quốc gia thành viên ASEAN nếu trong nội dung của sản phẩm đó chứa ít nhất 40% hàm lượng có xuất xứ từ một quốc gia thành viên ASEAN.

5. Tất cả các sản phẩm chế tạo, kể cả hàng hóa cơ bản (tư liệu sản xuất), nông sản chế biến và các sản phẩm nằm ngoài định nghĩa theo Hiệp định này đều nằm trong phạm vi áp dụng của Chương trình CEPT. Những sản phẩm này sẽ nghiêm nhiên được đưa vào Chương trình cắt giảm thuế quan theo quy định tại Điều 4 của Hiệp định. Đối với những sản phẩm thuộc diện PTA, sẽ áp dụng chương trình cắt giảm thuế quan quy định tại Điều 4 của Hiệp định này, có xem xét tới thuế quan sau khi đã áp dụng mức ưu đãi thuế quan thấp nhất (MOP) kể từ ngày 31-12-1992.

6. Các sản phẩm thuộc diện PTA mà không chuyển sang Chương trình CEPT sẽ tiếp tục được hưởng MOP từ ngày 31-12-1992.

7. Các quốc gia thành viên mà mức thuế quan đối với các sản phẩm đã được thỏa thuận giảm từ 20% và thấp hơn xuống 0-5%, mặc dù đã được hưởng quy chế tối huệ quốc, vẫn sẽ được hưởng các ưu đãi. Các quốc gia thành viên với mức thuế quan ở mức quy chế tối huệ quốc là 0-5% sẽ được coi là đã hoàn thành các nghĩa vụ theo Hiệp định này và vẫn sẽ được hưởng các ưu đãi.

## **Điều 3. Phạm vi sản phẩm**

Hiệp định này được áp dụng đối với mọi sản phẩm chế tạo, kể cả sản phẩm cơ bản, chế biến và những sản phẩm nằm ngoài định nghĩa "hàng nông sản" được quy định trong Hiệp định này. Nông sản sẽ được loại trừ khỏi Chương trình CEPT.

## **Điều 4. Chương trình cắt giảm thuế quan**

1. Các quốc gia thành viên thỏa thuận Chương trình cắt giảm thuế quan ưu đãi có hiệu lực như sau:

a. Giảm các mức thuế quan hiện nay xuống còn 20% trong thời kỳ 5 năm tới 8 năm, kể từ ngày 01-01-1993, tùy thuộc vào Chương trình cắt giảm thuế quan do từng quốc gia thành viên quyết định và sẽ được thông báo khi được công bố vào lúc bắt đầu chương trình. Khuyến khích các quốc gia thành viên áp dụng mức cắt giảm hàng năm theo công thức  $(X-20)\%/5$  hoặc 8 năm, trong đó X là mức thuế quan hiện hành tại mỗi quốc gia thành viên.

b. Sau đó giảm mức thuế 20% hoặc thấp hơn trong thời hạn 7 năm. Mức cắt giảm tối thiểu là 5% lượng được cắt giảm. Chương trình cắt giảm thuế quan sẽ được các quốc gia thành viên quyết định và tuyên bố khi bắt đầu chương trình.

c. Đối với các sản phẩm có mức thuế hiện nay là 20% hoặc thấp hơn, kể từ ngày 01-01-1993, các quốc gia thành viên sẽ quyết định chương trình cắt giảm thuế quan, và công bố ngày bắt đầu áp dụng chương trình cắt giảm.

Hai hoặc nhiều quốc gia thành viên có thể thỏa thuận cắt giảm thuế quan xuống còn 0-5% cho các sản phẩm cụ thể với tốc độ nhanh hơn khi bắt đầu Chương trình.

2. Căn cứ Điều 4(1) (b) và 4(1) (c) của Hiệp định này, các sản phẩm đã đạt tới hoặc đang có mức thuế suất là 20% hoặc thấp hơn, sẽ nghiêm nhiên được hưởng các ưu đãi.

3. Các chương trình cắt giảm thuế quan trên đây không ngăn cản các quốc gia thành viên cắt giảm ngay lập tức mức thuế quan của mình xuống còn 0-5% hoặc áp dụng một chương trình rút ngắn việc cắt giảm thuế quan.

## **Điều 5. Các điều khoản khác**

### *A. Các hạn chế về số lượng và các hàng rào phi thuế quan*

1. Các quốc gia thành viên sẽ xóa bỏ các hạn chế về số lượng đối với những sản phẩm trong Chương trình CEPT sau khi được hưởng các ưu đãi áp dụng cho những sản phẩm đó.

2. Các quốc gia thành viên sẽ dần dần xóa bỏ các hàng rào phi thuế quan khác trong thời hạn 5 năm sau khi được hưởng các chế độ ưu đãi.

### *B. Các hạn chế về ngoại tệ*

Các quốc gia thành viên sẽ được coi là ngoại lệ đối với các hạn chế ngoại tệ liên quan tới thanh toán cho các sản phẩm trong Chương trình CEPT cũng như đối với việc chuyển các khoản thanh toán đó về nước mà không gây phương hại tới các quyền của mình theo quy định tại Điều XVIII của Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT) và các điều khoản có liên quan trong Hiệp định về Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF).

### *C. Các lĩnh vực hợp tác khác*

Các quốc gia thành viên sẽ xem xét các biện pháp khác liên quan đến các lĩnh vực hợp tác trong phạm vi biên giới và ngoài biên giới nhằm bổ sung và hỗ trợ cho tự do hóa thương mại. Những biện pháp này bao gồm cả việc thống nhất các tiêu chuẩn chung, công nhận kết quả kiểm chứng hàng hóa, xóa bỏ các hàng rào đối với đầu tư nước ngoài, tham khảo ý kiến trong kinh tế vĩ mô, áp dụng nguyên tắc cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng và khuyến khích phát triển thị trường vốn.

### *D. Duy trì các chế độ ưu đãi*

Các quốc gia thành viên sẽ không xóa bỏ hoặc gây tổn hại tới bất cứ ưu đãi nào đã được thỏa thuận thông qua việc áp dụng các biện pháp như xác định giá trị theo hải quan, hoặc các biện pháp hạn chế thương mại khác, trừ trường hợp được quy định trong Hiệp định này.

## **Điều 6. Các biện pháp khẩn cấp**

1. Nếu do nhập khẩu một sản phẩm cụ thể được áp dụng theo Chương trình CEPT tăng lên mà gây ảnh hưởng nghiêm trọng hoặc đe dọa gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới các lĩnh vực sản xuất hoặc sản phẩm cạnh tranh tương tự ở quốc gia thành viên nhập khẩu sản phẩm đó thì quốc gia thành viên này trong phạm vi và trong một thời gian cần thiết, nhằm ngăn chặn hoặc để giải quyết ảnh hưởng đó, có thể tạm thời đình chỉ áp dụng các ưu đãi mà không có sự phân biệt đối xử, theo Điều 6(3) của Hiệp định này. Việc tạm đình chỉ áp dụng ưu đãi đó phải phù hợp với quy định của GATT.
2. Một quốc gia thành viên nếu thấy cần phải áp dụng hoặc tăng cường các biện pháp hạn chế về số lượng hay bất kỳ biện pháp nào khác để hạn chế nhập khẩu nhằm mục đích ngăn chặn nguy cơ hoặc chấm dứt sự giảm sút nghiêm trọng dự trữ tiền tệ của mình, có thể được làm việc đó theo phương cách bảo đảm các giá trị của các ưu đãi đã được thỏa thuận, không làm phương hại tới các nghĩa vụ quốc tế hiện có.
3. Trong trường hợp áp dụng các biện pháp khẩn cấp theo tinh thần của Điều này, cần thông báo ngay các biện pháp đó cho Hội đồng được đề cập trong Điều 7 của Hiệp định này, và có thể sẽ có tham khảo ý kiến đối với các biện pháp đó như quy định tại Điều 8 của Hiệp định này.

## **Điều 7. Cơ cấu thỏa thuận về thể chế**

1. Nhằm các mục tiêu của Hiệp định này, các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN (AEM) sẽ thành lập một Hội đồng cấp Bộ trưởng bao gồm mỗi quốc gia thành viên được một người chỉ định và Tổng thư ký ASEAN. Ban Thư ký ASEAN sẽ hỗ trợ cho AEM khi thực hiện các chức năng của mình; Hội đồng cấp Bộ trưởng này cũng sẽ được sự hỗ trợ của Hội nghị các quan chức cấp cao kinh tế (SEOM).
2. Các quốc gia thành viên có các thỏa thuận song phương về cắt giảm thuế quan theo Điều 4 của Hiệp định này sẽ phải thông báo cho các quốc gia thành viên khác và Ban Thư ký ASEAN về các thỏa thuận đó.
3. Ban Thư ký ASEAN sẽ theo dõi và báo cáo cho SEOM về việc thực hiện Hiệp định này theo Điều 3 (2) (8) của Hiệp định thành lập Ban Thư ký ASEAN. Các quốc gia thành viên sẽ hợp tác với Ban Thư ký ASEAN trong việc thực thi các chức năng của mình.

## **Điều 8. Tham khảo ý kiến**

1. Các quốc gia thành viên sẽ dành mọi cơ hội cho việc tham khảo ý kiến về bất cứ khiếu nại nào của một quốc gia thành viên liên quan đến vấn đề thực hiện Hiệp định này. Hội đồng được đề cập tại Điều 7 của Hiệp định này có thể xin ý kiến chỉ đạo của AEM trong trường hợp không thể tìm ra một giải pháp thỏa đáng trong các cuộc tham khảo ý kiến trước đó.
2. Các quốc gia thành viên, nếu cho rằng một quốc gia thành viên khác không thực hiện đúng các nghĩa vụ của mình, dẫn tới việc xóa bỏ hoặc làm suy giảm các lợi ích mà họ được hưởng, nhằm đạt được sự điều chỉnh thỏa đáng vấn đề có thể khiếu nại hoặc đề nghị với quốc gia thành viên đó và quốc gia thành viên này cần xem xét thỏa đáng khiếu nại hoặc đề nghị nói trên.
3. Mọi bất đồng giữa các quốc gia thành viên trong việc giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này sẽ được giải quyết trên tinh thần hòa giải hữu nghị đến mức cao nhất giữa các bên có liên quan. Trong trường hợp không giải quyết được một cách hữu nghị, vấn đề đó sẽ được trình lên Hội đồng đã được đề cập tại Điều 7 của Hiệp định và nếu cần thiết, lên AEM.

## **Điều 9. Các ngoại lệ chung**

Trong Hiệp định này không có điều khoản nào ngăn cản bất kỳ quốc gia thành viên nào có hành động và áp dụng các biện pháp mà quốc gia đó thấy cần thiết nhằm bảo đảm an ninh quốc gia, bảo vệ đạo đức xã hội, cuộc sống của con người, động vật và cây trồng, sức khỏe cũng như các giá trị, lịch sử và khảo cổ của mình.

## **Điều 10. Các điều khoản cuối cùng**

1. Chính phủ của các quốc gia thành viên cam kết áp dụng các biện pháp thích hợp để thực hiện các nghĩa vụ đã được thỏa thuận theo Hiệp định này.

2. Bất kỳ sự sửa đổi nào đối với Hiệp định này sẽ phải thực hiện trên nguyên tắc nhất trí và sẽ có hiệu lực khi tất cả các quốc gia thành viên chấp thuận.
3. Hiệp định này có hiệu lực kể từ ngày ký kết.
4. Hiệp định này sẽ được Tổng Thư ký của Ban Thư ký ASEAN lưu chiếu và Tổng Thư ký sẽ nhanh chóng sao thành nhiều bản có xác nhận để chuyển cho các quốc gia thành viên.
5. Không có một bảo lưu nào đối với bất kỳ điều khoản nào của Hiệp định này.

Để làm bằng, những người ký tên dưới đây được các Chính phủ của mình ủy nhiệm, đã ký Hiệp định về Chương trình thuế quan ưu đãi có hiệu lực chung (CEPT) cho Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA).

Làm tại Xingapo ngày 28-01-1992 với một bản duy nhất bằng tiếng Anh.

**Thay mặt Chính phủ Brunây Daruxalam**

Abdul Rahman Taib

Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và Tài nguyên thiên nhiên

**Thay mặt Chính phủ Cộng hòa Indônêxia**

Arifin M. Siregar

Bộ trưởng Bộ Thương mại

**Thay mặt Chính phủ Malaixia**

Rafidah Aziz

Bộ trưởng Bộ Thương mại quốc tế và Công nghiệp

**Thay mặt Chính phủ Cộng hòa Philippin**

Peter D. Garrucho

Bộ trưởng Bộ Thương mại và Công nghiệp

**Thay mặt Chính phủ Cộng hòa Xingapo**

Lee Hsien Long

Bộ trưởng Bộ Thương mại và Công nghiệp

**Thay mặt Chính phủ Vương quốc Thái Lan**

Amaret Sila\_on

Bộ trưởng Bộ Thương mại

**Nguồn:** Việt Nam: Hội nhập kinh tế trong xu thế toàn cầu hóa - Vấn đề và giải pháp, NXB Chính trị quốc gia, H. 2002, tr.506-514